

Bản án số: 60/2020/HNGĐ-ST
Ngày 14 tháng 9 năm 2020
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG G, TỈNH BẮC G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thiêm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Minh Thiết

2. Ông Giáp Đức Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Huyền - Thư ký Toà án nhân dân huyện LG.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LG: Bà Nguyễn Thị Minh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 14/9/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện LG xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 160/2020/TLST-HNGĐ ngày 28/5/2020 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/8/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 77/2020/QĐST-HNGĐ ngày 26/8/2020, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Lê Thị T, sinh năm 1977

Địa chỉ: Thôn T, xã DM, huyện LG, tỉnh BG.

(Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

*** Bị đơn:** Anh Ninh Đắc H, sinh năm 1973.

ĐKKHKT: Thôn T, xã DM, huyện LG, tỉnh BG.

(Hiện nay không rõ địa chỉ) - Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/5/2020, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là chị Lê Thị T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ngày 09 tháng 01 năm 1995, chị kết hôn với anh Ninh Đắc H tại UBND xã DM, huyện LG, tỉnh BG. Sau khi đăng ký kết hôn, chị về nhà anh H ở thôn Tây Lò, xã DM, huyện LG, tỉnh BG sinh sống. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Năm 2002, vợ chồng chị ra ở riêng sang địa chỉ thôn T, xã DM, huyện LG, tỉnh BG. Từ năm 2010 đến năm 2017 anh H đi làm xa, thi thoảng một năm về nhà một lần. Do đó, vợ chồng nảy sinh mâu

Tần, nguyên nhân do anh H không quan TA lo lắng cho vợ con ở nhà, kinh tế gia đình một tay chị gây dựng và chị tự nuôi con. Từ năm 2017 đến nay, mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng, anh H không về nhà một lần nào. Chị đã làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện LG tuyên bố anh H mất tích. Tuy nhiên, Tòa án tiến hành làm việc với bố mẹ đẻ và em dâu anh H thì được biết anh H vẫn liên lạc về cho gia đình. Sau đó, anh H biết việc chị làm đơn đề nghị Tòa án tuyên bố anh mất tích thì anh H có liên lạc điện thoại về cho chị nhưng không cho chị biết địa chỉ nơi cư trú hiện nay mà chỉ trách mắng chị là “cứ ở như thế này cũng được làm sao pH ly hôn”. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Ninh Đắc H.

Về con chung vợ chồng: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Ninh Thị TH, sinh năm 1996 và cháu Ninh ĐH, sinh ngày 29/7/2003. Hiện nay cháu Hà đã trưởng thành và có gia đình riêng. Khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cháu Hiếu cho chị trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc. Về cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tài liệu chứng cứ T thập được:**

+ Tại biên bản làm việc ngày 04/6/2020, bà Giáp Thị TA và ông Ninh Đắc G là mẹ đẻ, bố đẻ của anh Ninh Đắc H cung cấp: Anh Ninh Đắc H là con trai của ông bà. Tuy nhiên, hiện nay anh H đi làm ăn xa, gia đình chỉ nghe nói anh H đi làm ăn chui bên Trung Quốc. Khoảng hai năm nay anh H không về nhà. Anh H thì thoảng có gọi điện qua zalo về cho gia đình. Địa chỉ cụ thể của anh H gia đình không nắm được, anh H cũng không cho gia đình biết nên gia đình không cung cấp được cho Tòa án. Nay chị T vợ anh H khởi kiện xin ly hôn thì đây là việc riêng của vợ chồng anh H, gia đình không can thiệp, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

+ Tại biên bản làm việc ngày 12/6/2020 ông Ninh Đắc G và bà Giáp Thị TA cung cấp: Anh H hiện đang làm ăn xa nhà, anh H chỉ nói với gia đình là đang làm ăn bên Trung Quốc và không cho gia đình biết thông tin địa chỉ cụ thể hiện nay của anh. Gia đình không cung cấp được tài liệu thể hiện việc anh H đang lao động bên Trung Quốc và cũng không cung cấp được thông tin địa chỉ cụ thể của anh H hiện nay ở đâu cho Tòa án. Quá trình Tòa án làm việc với gia đình và gửi thông báo về việc thụ lý vụ án cho anh H thì gia đình đã thông tin bằng điện thoại để anh H nắm được. Anh H đã biết việc chị T khởi kiện xin ly hôn nhưng đây là việc riêng của anh H, quyền quyết định là của anh H, gia đình không can thiệp.

+ Tại biên bản xác minh ngày 04/6/2020 và 03/7/2020 đại diện chính quyền địa phương UBND xã DM, huyện LG, tỉnh BG cung cấp: Anh Ninh Đắc H sinh năm 1973 là công dân của xã DM, anh H có đăng ký hộ khẩu thường trú

tại thôn T, xã DM, huyện LG, tỉnh BG. Tuy nhiên, từ năm 2017 anh H không có mặt tại địa phương. Anh H đi đâu, làm gì địa phương không nắm được, anh H không khai báo tạm vắng với địa phương. Hiện nay anh H ở đâu địa phương không nắm được.

Ngày 04/6/2020, Tòa án đã gửi công văn số 136/2020/TA tới Cục Quản lý xuất nhập cảnh, Bộ Công an đề nghị T thập chứng cứ về việc anh Ninh Đắc H có xuất cảnh đi nước ngoài hay không.

Ngày 12/6/2020, Cục Quản lý xuất nhập cảnh, Bộ Công an đã trả lời bằng văn bản số 8606/QLXNC-P5 về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh với nội dung: Ninh Đắc H, sinh năm 1973, CMND số 121332031 không có thông tin tin xuất nhập cảnh tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh.

Cháu Ninh ĐH, sinh ngày 29/7/2003 là con của chị T và anh H có đơn trình bày nguyện vọng gửi đến Tòa án là bố mẹ cháu ly hôn, cháu muốn ở cùng mẹ.

- Tòa án nhân dân huyện LG đã thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự, đồng thời niêm yết giấy báo, giấy triệu tập nhiều lần nhưng anh H vẫn không đến Tòa án để làm việc cũng không gửi văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn.

- Tòa án đã mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 24/7/2020 và ngày 10/8/2020 nhưng anh H vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

- Ngày 26/8/2020 Tòa án đã mở phiên tòa nhưng anh Ninh Đắc H vắng mặt lần thứ nhất không có lý do, Tòa án đã pH hoãn phiên tòa.

- Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là anh Ninh Đắc H đã được triệu tập họp lệ nhưng tiếp tục vắng mặt không có lý do. Vì lý do công việc chị T xin vắng mặt tại phiên tòa.

- + Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LG, tỉnh BG phát biểu:

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa tuân thủ đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị T và xử cho chị T được ly hôn anh Ninh Đắc H. Về con chung: Giao cháu Ninh ĐH, sinh ngày 29/7/2003 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung, công nợ chung: Do chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Ngoài ra đại diện VKS còn đề nghị giải quyết về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

- Kiến nghị, khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét yêu cầu của chị Lê Thị T là nguyên đơn làm đơn khởi kiện xin ly hôn anh Ninh Đắc H, ĐKKHKT và nơi cư trú cuối cùng tại thôn T, xã DM, huyện LG, tỉnh BG. Chị T yêu cầu giải quyết về nuôi con chung khi ly hôn. Từ các nội dung trên, Hội đồng xét xử xác định: Về quan hệ pháp luật đây là vụ án “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1, Điều 28- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Về thẩm quyền: Anh Ninh Đắc H vắng mặt tại địa phương từ năm 2017, Tòa án đã làm việc với bố mẹ đẻ của anh H, xác minh với chính quyền địa phương và Cục Quản lý xuất nhập cảnh Bộ công an nhưng không có căn cứ chứng minh anh H hiện đang lao động bên Trung Quốc, anh H hiện đang ở đâu, làm gì gia đình và địa phương không biết. Căn cứ vào khoản 3 Điều 40; điểm b khoản 2 Điều 277 của Bộ luật dân sự 2015, việc anh H đã thay đổi nơi cư trú không thông báo cho nguyên đơn cũng như chính quyền địa phương biết về nơi cư trú mới theo quy định nên được coi là cố tình giấu địa chỉ. Căn cứ theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP thấy rằng, địa chỉ cuối cùng của anh Ninh Đắc H tại thôn TT, xã DM, huyện LG, tỉnh BG nên vụ án Tộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện LG, tỉnh BG.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án đã niêm yết văn bản tố tụng đồng thời thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng anh Ninh Đắc H không đến Tòa án làm việc. Anh Ninh Đắc H vắng mặt tại phiên tòa ngày 26/8/2020 và vắng mặt tại phiên tòa hôm nay mà không có lý do. Chị Lê Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt.

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị T, anh H.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Ninh Đắc H kết hôn ngày 09/01/1995 trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã DM, huyện LG, tỉnh BG và được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Hôn nhân giữa chị T, anh H là tự nguyện, không vi phạm các điều cấm kết hôn phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Về quá trình chung sống của vợ chồng thì thấy: Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Từ năm 2010 đến 2017 anh H đi làm xa, thi thoảng một năm về nhà một lần. Do đó, vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H không quan tâm lo lắng cho vợ con ở nhà, kinh tế gia đình một tay chị T gây

dựng và tự nuôi con. Từ năm 2017 đến nay, mâu Tẫn vợ chồng chị T càng trầm trọng, anh H không về nhà một lần nào, vợ chồng đã ly thân từ năm 2017 đến nay. Tòa án đã mở phiên hòa giải nhưng anh H không có mặt để tham gia hòa giải và không có mặt để tham gia các phiên tòa xét xử. Như vậy xác định anh H không có thiện chí hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2]. Về nuôi con chung, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T và anh H có 02 con chung là cháu Ninh Thị TH, sinh ngày 03/4/1996 và cháu Ninh ĐH, sinh ngày 29/7/2003. Hiện cháu Hà đã trưởng thành và lập gia đình riêng; cháu H1 chưa đủ 18 tuổi, hiện đang chung sống với chị T, anh H đi làm ăn xa không có thời gian thăm nom, chăm sóc cháu. Cháu H1 có nguyện vọng ở với chị T. Do đó, để đảm bảo cuộc sống, sinh hoạt của cháu H1 được ổn định cần chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cháu Hiếu cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Chị T không đề nghị Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của người con nên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc bên không nuôi con pH có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các đương sự có yêu cầu.\

[3.3]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[4]. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án thì chị Lê Thị T pH chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xử:

2.1. Về quan hệ vợ chồng: Chị Lê Thị T được ly hôn anh Ninh Đắc H.

2.2. Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Ninh ĐH, sinh ngày 29/7/2003 cho chị Lê Thị T nuôi dưỡng.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết cho đến khi đương sự có yêu cầu.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

2.3. Về án phí: Chị Lê Thị T pH chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp theo biên lai số AA/2019/0002326 ngày 28/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện LG. Xác nhận chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện BG;
- Chi cục THADS huyện LG;
- TAND tỉnh BG;
- UBND xã DM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Vũ Thị Thiêm